

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: VĂN 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1213360149	Phạm Thanh	Bình	04/09/2005	01DD14C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
2	1213360013	Đinh Thị Thiên	Kim	23/05/1994	01DS14D1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
3	1213360058	Lê Trung	Nguyên	14/01/2005	01DS14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
4	1213360062	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	15/10/2006	01DS14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
5	1213360041	Lê Nguyễn Anh	Thư	18/02/2000	01DS14D1	6,0	7,0	6,7		0,0	2,7	Thi lại
6	1203360032	Thái Thị Thủy	Tiên	01/10/2005	01DS14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
7	1213360132	Phạm Đình	Tùng	22/06/2005	01DS14D1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
8	1213360014	Đặng Thị Như	Ý	21/06/2006	01DS14C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
9	1213360080	Nguyễn Ngọc	Hân	20/11/2006	01KT14C1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
10	1213360032	Trần Phụng	Hằng	19/01/2006	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại
11	1213360091	Nguyễn Thị Kim	Khánh	25/08/2006	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại
12	1213360021	Lê Thị Hồng	Loan	09/12/2006	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	1213360035	Hoàng Ngọc	Lan	04/10/2006	01KT14C1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
14	1213360143	Đặng Xuân	Mai	28/7/2005	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
15	1213360031	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11/12/2005	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
16	1213360019	Nguyễn Thị Kim	Thảo	04/04/1995	01KT14C1	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
17	1213360070	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/2006	01KT14C1	6,0	7,0	6,7		4,0	5,1	Đạt
18	1213360099	Trần Ngọc	Anh	18/05/2006	01MK14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
19	1213360005	Phan Thụy Ngọc	Ánh	05/02/2002	01MK14C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
20	1213360154	Trần Phan Quốc	Hùng	02/09/2006	01MK14C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
21	1213360115	Hứa Thị Kim	Ngân	24/04/2006	01MK14C1	7,0	7,0	7,0		3,0	4,6	Thi lại
22	1213360092	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	30/05/2006	01MK14C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
23	1213360034	Trương Kim Uyên	Thảo	11/10/2006	01DS14C1	7,0	7,0	7,0		0,0	2,8	Thi lại
24	1213360049	Châu Quốc	Bảo	28/12/2006	01TM14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
25	1203360159	Nguyễn Đặng Trung	Bảo	27/12/2005	01TM14C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
26	1213360098	Ngũ Chí	Hiệp	14/12/2006	01TM14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	1213360150	Nguyễn Hoàng	Minh	04/09/2006	01TM14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
28	1203360181	Huỳnh Thị Khánh	Nhung	16/08/1992	01YS14D1	7,0	5,0	5,7		5,0	5,3	Đạt
29	1213360121	Phạm Minh	Phúc	19/03/2006	01TM14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
30	1203360105	Trương Quốc	Thái	18/08/2005	01TM14C1	6,0	6,0	6,0		2,0	3,6	Thi lại
31	1213360015	Trần Nhật	Tiến	13/08/2005	01TM14C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
32	1213360079	Trần Minh	Tiến	24/08/2006	01TM14C1	7,0	6,0	6,3		2,0	3,7	Thi lại
33	1213360122	Trần Quốc	Vũ	10/02/1983	01YS14D1	7,0	5,0	5,7		6,0	5,9	Đạt
34	2193360154	Hoàng Ngọc	Bảo	20/02/2002	01TM14C1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
35	193360109	Ngô Thị Tuyết	Minh	12/04/2001	02KT14C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
36	2203360027	Đặng Thị	Huyền	29/10/1995	02DS14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
37	1213360064	Nguyễn Thị Kim	Hằng	07/09/2006	01DD14C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
38	2193360109	Ngô Thị Tuyết	Minh	12/04/2001	02KT14C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt